

Số: /BC-STP

Bắc Giang, ngày tháng 5 năm 2025

## BÁO CÁO

### **Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1462/SNNMT-QLĐĐ ngày 29/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết gửi kèm theo Công văn nêu trên và các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

#### **1. Sự cần thiết ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết**

- Trên cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn thể hiện tại dự thảo Tờ trình cho thấy việc ban hành dự thảo Nghị quyết là cần thiết, đảm bảo tổ chức thực hiện chính sách này trên địa bàn tỉnh.

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng được quy định tại Điều 2, Điều 3 dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo phù hợp với nội dung dự thảo văn bản.

Bên cạnh đó, đối với quy định tại khoản 3 Điều 3 đối tượng áp dụng: đề nghị bổ sung phạm vi về không gian<sup>1</sup> để đảm bảo thống nhất, phù hợp.

#### **2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước**

Nội dung dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

#### **3. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết**

##### **3.1. Về thẩm quyền ban hành**

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết này là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b<sup>2</sup> khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025.

##### **3.2. Về nội dung**

- Phần căn cứ ban hành: bổ sung chủ thể có thẩm quyền ban hành văn bản tại văn bản là căn cứ ban hành thứ 5 để đảm bảo chính xác.

<sup>1</sup> Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

<sup>2</sup> HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định “b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”

- Điều 3: như ý kiến đã nêu tại Mục 1 báo cáo này.

- Điều 6, Điều 7: đề nghị lưu ý các quy định để đảm bảo tính phù hợp, tính khả thi và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.

- Điều 8: (i) như ý kiến đối với Điều 6, Điều 7; (ii) khoản 3 có quy định “**Ủy ban nhân dân cấp xã** căn cứ quỹ đất hiện có và khả năng tạo quỹ đất tại địa phương để lập phương án giao đất **trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định diện tích giao đất** quy định tại khoản 1, khoản 2 đảm bảo diện tích giao đất không nhỏ hơn diện tích được phép tách thửa và không vượt quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.” – có thể dẫn đến cách hiểu UBND cấp tỉnh thực hiện giao đất cho cá nhân theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2; trong khi đó, khoản 1<sup>3</sup> và khoản 2<sup>4</sup> Điều 123 Luật đất đai năm 2024 quy định thẩm quyền giao đất của UBND cấp tỉnh là đối với tổ chức và UBND cấp huyện là đối với cá nhân. Do đó, đề nghị rà soát, nghiên cứu nội dung này để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Điều 9 về Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở có quy định về việc miễn, giảm tiền thuê đất; trong khi đó khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2025 có quy định “Chính phủ quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất chưa được quy định tại khoản 1 Điều này sau khi được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.”, khoản 4 Điều 18<sup>5</sup> Nghị định số 103/2024/NĐ-CP<sup>6</sup> quy định “Việc miễn tiền sử dụng đất trong các trường hợp khác quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai do các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất gửi Bộ Tài chính để tổng hợp trình Chính phủ quy định sau khi được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.”, khoản 7 Điều 19 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định “Việc giảm tiền sử dụng đất trong các trường hợp khác quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai do các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ quy định sau khi được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.”. Do đó, đề nghị rà soát nội dung này để đảm bảo tính thống nhất, phù hợp của quy định.

<sup>3</sup> “1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp sau đây:

- a) Giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức trong nước;
- b) Giao đất, cho thuê đất đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc;
- c) Giao đất, cho thuê đất đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;
- d) Cho thuê đất đối với tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.”

<sup>4</sup> “2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp sau đây:

- a) Giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với cá nhân. Trường hợp cho cá nhân thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ với diện tích từ 0,5 ha trở lên thì phải có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi quyết định;
- b) Giao đất đối với cộng đồng dân cư.”

<sup>5</sup> Miễn tiền sử dụng đất

<sup>6</sup> Ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

- Phần nơi nhận: rà soát các thành phần nhận để đảm bảo chính xác, phù hợp với điểm b khoản 8 Phần II Mục 1 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP<sup>7</sup>.

- Ngoài các nội dung nêu trên, trong bối cảnh thực hiện chủ trương sắp xếp, tổ chức bộ máy theo hướng sẽ kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện trong thời gian tới và sáp nhập cấp tỉnh; đề nghị cân nhắc, nghiên cứu thêm đối với các quy định có liên quan và thời điểm trình dự thảo Nghị quyết này để đảm bảo tính ổn định của văn bản QPPL.

#### **4. Về nguồn tài chính, nguồn nhân lực**

Qua các nội dung trong hồ sơ dự thảo văn bản cho thấy chưa thực hiện đánh giá cụ thể các điều kiện về nguồn tài chính<sup>8</sup>, nguồn nhân lực để đảm bảo thi hành dự thảo Nghị quyết này. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan thực hiện đánh giá này theo khoản 2<sup>9</sup> Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

#### **5. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản**

##### **5.1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày**

- Không quy định Điều 1<sup>10</sup> để đảm bảo phù hợp với Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

- Rà soát, trình bày các văn bản được viện dẫn phù hợp với Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

##### **5.2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo**

Qua các nội dung trong hồ sơ dự thảo văn bản, phần III dự thảo Tờ trình cho thấy trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Nghị quyết đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Đồng thời, đề nghị lưu ý thực hiện theo quy định tại khoản 5<sup>11</sup> Điều 2, Điều 3<sup>12</sup> Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

#### **6. Về điều kiện trình UBND tỉnh**

Dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình UBND tỉnh sau khi nghiên cứu, tiếp thu, hoàn chỉnh các ý kiến thẩm định đã nêu tại mục 1, tiểu mục 3.2 mục 3, mục 4, mục 5 Báo cáo này.

<sup>7</sup> ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

<sup>8</sup> Công văn số 1012/STC-QLGCS ngày 22/4/2025 của Sở Tài chính

<sup>9</sup> Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính; Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực

<sup>10</sup> Điều 1 phù hợp với Mẫu số 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

<sup>11</sup> Cơ quan lập đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến góp ý; đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên công, trang thông tin điện tử của cơ quan mình chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.

<sup>12</sup> Truyền thông ... dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Bên cạnh đó đối với thành phần hồ sơ, đề nghị: (i) đối với dự thảo Tờ trình: rà soát trình bày<sup>13</sup> phù hợp với Mẫu số 02 phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; (ii) đối với Bản tổng hợp ý kiến góp ý: trình bày phù hợp với Mẫu số 09 phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết đảm bảo đủ điều kiện trình; đồng thời, thực hiện theo quy định tại khoản 1<sup>14</sup>, khoản 2<sup>15</sup> Điều 46 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP./.

**Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VBPB&TDTHPL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trương Ngọc Bích**

---

<sup>13</sup> Đơn cử như: Trích yếu tờ trình

<sup>14</sup> “1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

- a) Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản;
- b) Trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau.”

<sup>15</sup> “2. Hồ sơ dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm:

- a) Tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 45 của Nghị định này, trong đó tờ trình, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo;
- b) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.”